

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-

ST

Ngày: 04-6-2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Hùng;

2. Ông Phan Văn Truyen.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Toà án.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1995; địa chỉ: Ấp G, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Lê Thanh H, sinh năm 1997; địa chỉ: Khu phố A, Phường C, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Kim N với ông Lê Thanh H xác lập quan hệ vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thị xã K ngày 08/5/2018. Đời sống chung vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tính không còn hợp nhau, dẫn đến thường xuyên cãi nhau; vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2023. Bà N yêu cầu được ly hôn với ông H.

Bà N với ông H có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hà M, sinh ngày 08/11/2017; hiện đang sống chung với bà N. Sau khi ly hôn bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con; không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung với ông H.

Bị đơn ông Lê Thanh H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà N nộp cho Tòa án.

Tại phiên toà, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến như đã trình bày.

Bị đơn ông H vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Thanh H. Căn cứ theo Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bị đơn ông Lê Thanh H vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung; không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông Lê Thanh H không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo Trích lục kết hôn thì bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Thanh H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 3, thị xã K ngày 08/5/2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N với ông H là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; vợ chồng đã sống ly thân nên bà N cương quyết ly hôn với ông H nhưng ông H không đến Tòa án để thỏa thuận hàn gắn tình cảm vợ chồng trong khi vợ chồng đã sống ly thân nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N với ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N đối với ông H.

[5] Về con chung và cấp dưỡng: Theo Trích lục khai sinh thì bà N với ông H có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hà M, sinh ngày 08/11/2017; hiện đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con; ông H không có ý kiến về việc nuôi con khi ly hôn; tuy nhiên từ khi bà N và ông H sống ly thân nhau thì cháu M sống với bà N đã ổn định đời sống, tinh thần, việc học hành. Xét thấy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung.

[8] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Lê Thanh H.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Lê Thanh H.

- *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Kim N với ông Lê Thanh H có 01 con chung tên Lê Nguyễn Hà M, sinh ngày 08/11/2017. Sau khi ly hôn, bà N được quyền trực tiếp nuôi con.

- *Về cấp dưỡng:* Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Các đương sự trình bày không có nợ chung.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai số 0003143 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kim N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Đào Văn Hùng

Phan Văn Truệ

Nguyễn Văn Phương